

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 01 năm 2016

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 97/QĐ-ĐHKT ngày 28 tháng 01 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế)

Trình độ đào tạo	: ĐẠI HỌC
Ngành	: KINH TẾ
Mã ngành	: 52 31 01 01
Tên ngành (Tiếng Anh)	: ECONOMICS
Tên chuyên ngành	: KINH TẾ ĐẦU TƯ
Tên chuyên ngành (Tiếng Anh)	: INVESTMENT MANAGEMENT
Mã chuyên ngành	: 52 31 01 01 04
Loại hình đào tạo	: Chính quy
Hình thức đào tạo	: Chương trình đào tạo đại trà

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân chuyên ngành Kinh tế đầu tư có **năng lực** về chuyên môn nhằm thực hiện các công tác phân tích, hoạch định, tổ chức thực thi chính sách đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, công tác tổ chức và quản lý hoạt động đầu tư ở tầm quốc gia, địa phương, vùng, ngành và các tổ chức kinh tế - xã hội một cách độc lập; có phẩm chất tốt, có đạo đức nghề nghiệp; có kỹ năng tin học, ngoại ngữ, giao tiếp nhằm thích nghi với sự thay đổi nhanh chóng của môi trường quản lý và kinh doanh và có khả năng tự học tập suốt đời.

1.2. Chuẩn đầu ra

Sinh viên chuyên ngành Kinh tế đầu tư khi tốt nghiệp có các năng lực sau:

1.2.1. Kiến thức

Kiến thức cơ bản

TT	Mã CĐR chuyên ngành	Tên chuẩn đầu ra về kiến thức cơ bản
1	CĐR1	Nắm được kiến thức nền tảng về tự nhiên, xã hội, những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam

2	CDR2	Nắm được kiến thức cơ bản về cơ chế vận hành của nền kinh tế thị trường trong môi trường toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế
3	CDR3	Nắm được kiến thức cơ bản về quản lý, cơ chế quản lý nhà nước về kinh tế và đầu tư
4	CDR4	Kiến thức quản lý thông tin: Nắm bắt phương pháp thu thập, phân tích, xử lý thông tin phục vụ cho việc ra quyết định
5	CDR5	Kiến thức về pháp luật: Nắm bắt các qui định của pháp luật trong lĩnh vực kinh tế và đầu tư.

Kiến thức chuyên ngành

TT	Mã CDR chuyên ngành	Tên chuẩn đầu ra về kiến thức chuyên ngành
1	CDR6	Am hiểu cơ chế vận hành của thị trường tài chính, thị trường vốn trong nền kinh tế thị trường
1	CDR7	Am hiểu cách thức huy động, phân bổ và sử dụng các nguồn lực để đầu tư phát triển
2	CDR8	Nắm bắt phương pháp phân tích, đánh giá các vấn đề kinh tế - xã hội, phát hiện cơ hội đầu tư và cung ứng dịch vụ tư vấn đầu tư
3	CDR9	Nắm bắt phương pháp xây dựng chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển kinh tế - xã hội; chương trình, dự án phát triển KT-XH
4	CDR10	Nắm bắt phương pháp quản lý, tổ chức triển khai và kiểm tra việc thực thi các chính sách, chương trình, dự án đầu tư phát triển kinh tế-xã hội.

1.2.2. Kỹ năng

Kỹ năng cơ bản

TT	Mã CDR chuyên ngành	Tên chuẩn đầu ra về kỹ năng cơ bản
1	CDR11	Kỹ năng giao tiếp, truyền thông: Soạn thảo báo cáo, kế hoạch; khả năng thuyết trình, thuyết phục, khả năng lắng nghe, hỗ trợ, chia sẻ thông tin với người khác
2	CDR12	Kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm: Chủ động trong công việc đồng thời có khả năng thực hiện công việc nhóm, xây dựng mối quan hệ gắn kết, tạo động cơ, đồng cảm, chia sẻ

3	CĐR13	Kỹ năng tin học: Sử dụng thông thạo các công cụ công nghệ thông tin, các phần mềm phổ thông và chuyên dụng để phục vụ cho phát triển nghề nghiệp (đạt chuẩn tin học văn phòng và chuyên ngành)
4	CĐR14	Kỹ năng ngoại ngữ: Có thể giao tiếp kinh doanh bằng tiếng Anh đạt từ bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (hoặc tương đương) trở lên
5	CĐR15	Kỹ năng lãnh đạo: Kỹ năng lãnh đạo: Có khả năng tổ chức công việc, điều khiển, định hướng, kiểm tra, giám sát.

Kỹ năng nghề nghiệp

TT	Mã CĐR chuyên ngành	Tên chuẩn đầu ra về kỹ năng nghề nghiệp
1	CĐR16	Kỹ năng phân tích: Có khả năng phát hiện, phân biện các vấn đề liên quan đến dự án đầu tư phát triển; khả năng sử dụng các công cụ để phân tích, đánh giá các vấn đề về đầu tư phát triển kinh tế xã hội
2	CĐR17	Kỹ năng hoạch định: Có khả năng xây dựng chiến lược, kế hoạch đầu tư ở phạm vi quốc tế, quốc gia, vùng, địa phương; Có khả năng lập một dự án đầu tư tiềm khả thi và dự án đầu tư khả thi
3	CĐR18	Kỹ năng quản lý dự án đầu tư: Có khả năng vận dụng các công cụ và phương pháp tiên tiến trong tổ chức, triển khai, giám sát các chính sách đầu tư, các chương trình, dự án đầu tư
4	CĐR19	Kỹ năng lập, thẩm định dự án đầu tư: Có khả năng xây dựng và thực hiện việc thẩm định một dự án đầu tư tiềm khả thi và dự án đầu tư khả thi
5	CĐR20	Kỹ năng xúc tiến đầu tư: Có khả thực hiện công tác xúc tiến đầu tư ở phạm vi quốc tế, quốc gia, vùng, địa phương.

1.2.3. Thái độ và hành vi

TT	Mã CĐR chuyên ngành	Tên chuẩn đầu ra về thái độ và hành vi
1	CĐR21	Tuân thủ quy định của pháp luật: Nhận thức đúng đắn và thực hiện các hành vi phù hợp với qui định của pháp luật và chuẩn mực chung của xã hội
2	CĐR22	Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp: Tâm huyết với nghề nghiệp, trung thực, có tinh thần trách nhiệm trong công việc, ý thức kỷ luật cao

3	CĐR23	Tinh thần phục vụ cộng đồng: Nuôi dưỡng khát vọng cống hiến, vươn lên và tinh thần phục vụ cộng đồng. Tham gia các hoạt động cộng đồng và thực hiện trách nhiệm xã hội
---	-------	---

1.3. Cơ hội việc làm

Cử nhân Kinh tế đầu tư có đủ năng lực đảm nhiệm các công việc tại các cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư từ trung ương tới địa phương; Các tổ chức kinh tế - xã hội, các dự án đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài; Ban quản lý các khu kinh tế, khu công nghiệp; Các cơ quan thẩm định đầu tư; Trung tâm xúc tiến đầu tư, tư vấn đầu tư, hỗ trợ đầu tư cho các địa phương và doanh nghiệp từ trung ương tới địa phương; Các Viện nghiên cứu; các trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp.

2. Thời gian đào tạo: Theo thiết kế chương trình là 4 năm, tùy theo khả năng và điều kiện học tập, sinh viên có thể rút ngắn còn 3 năm hoặc kéo dài thời gian học tối đa đến 6 năm.

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 120 tín chỉ, không kể các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng.

4. Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THPT, THCN

5. Qui trình đào tạo: Hình thức tín chỉ.

6. Thang điểm: Quy chế đào tạo đại học theo học chế tín chỉ.

7. Nội dung chương trình:

7.1. Học phần chung toàn Trường

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
01	SMT1001	Các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin phần 1	2
02	SMT1002	Các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin phần 2	3
03	SMT1003	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3
04	SMT1004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
05	LAW1001	Pháp luật đại cương	2
06	TOU1001	Giao tiếp trong kinh doanh	3
07	ENG1001	Tiếng Anh đại cương 1 (A2.1)	3
08	ENG2001	Tiếng Anh đại cương 2 (A2.2)	4
09	MIS1001	Tin học văn phòng	3
10	MAT1001	Toán ứng dụng trong kinh tế	3
11	MGT1001	Kinh tế vi mô	3

12	ECO1001	Kinh tế vĩ mô	3
13	MGT1002	Quản trị học	3
		Tổng	37
14		Giáo dục thể chất	5
15		Giáo dục Quốc phòng	4 tuần

7.2. Học phần chung khối ngành

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
16	SMT2001	Lịch sử các học thuyết kinh tế	3
17	ACC1001	Nguyên lý kế toán	3
18	ECO2002	Kinh tế phát triển	3
19	IBS2002	Kinh tế quốc tế	3
20	ECO2004	Kinh tế công	3
21	BAN2001	Tài chính công	3
22	ECO2003	Kinh tế môi trường	3
23	STA2002	Thống kê kinh doanh và kinh tế	3
24	ECO2001	Quản lý nhà nước về kinh tế	3
25	ENG3005	Tiếng Anh kinh tế	3
		Tổng	30

7.3. Học phần chung của ngành

7.3.1. Học phần bắt buộc

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
26	ECO3001	Kinh tế vĩ mô nâng cao	3
27	ECO3002	Dự báo phát triển kinh tế - xã hội	3
28	ECO3003	Lý thuyết trò chơi và tư duy chiến lược	3
29	MGT2001	Kinh tế vi mô nâng cao	3
30	STA3001	Kinh tế lượng	3
		Tổng	15

7.3.2. Học phần tự chọn

Chọn ít nhất 6 tín chỉ trong các học phần tự chọn sau:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
31	ECO3019	Phương pháp định lượng trong kinh tế	3
32	ECO3021	Dân số và phát triển	2
33	ECO3022	Phát triển nông thôn	3
34	FIN2001	Thị trường và các định chế tài chính	3
35	IBS3011	Quy tắc và các định chế thương mại toàn cầu	3

7.4. Học phần chuyên ngành

7.4.1. Học phần bắt buộc

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
36	ECO3015	Kinh tế đầu tư	3
37	ECO3016	Thẩm định dự án đầu tư	3
38	ECO3017	Lập dự án đầu tư	3
39	ECO3018	Kỹ năng xúc tiến đầu tư	3
40	LAW3012	Luật đầu tư	2
41	MGT3004	Quản trị dự án	3
		Tổng	17

7.4.2. Học phần tự chọn

Chọn ít nhất 5 tín chỉ trong các học phần tự chọn sau:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
42	ECO3007	Chương trình và dự án phát triển kinh tế - xã hội	3
43	ECO3008	Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội	3
44	ECO3020	Kinh tế vùng	3
45	IBS3003	Đầu tư quốc tế	3
46	RMD3001	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2

7.5. Hoạt động ngoại khóa

TT	Hoạt động ngoại khóa	Ghi chú
47	Tham gia các hoạt động: Tham quan, trao đổi, đối thoại với các cơ quan quản lý nhà nước các cấp, các viện nghiên cứu, các tổ chức kinh tế - xã hội để nắm bắt và tìm hiểu các nghiệp vụ, các vấn đề của thực tiễn liên quan đến hoạt động đầu tư phát triển	

7.6. Thực tập cuối khóa

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
		Hình thức 1	
48	ECO4007	Báo cáo thực tập tốt nghiệp	4
49		Học bổ sung ít nhất 6 tín chỉ được chọn từ các học phần tự chọn	6
		Hình thức 2	
50	ECO4008	Khóa luận tốt nghiệp (*)	10

* Sinh viên phải học học phần “Phương pháp nghiên cứu khoa học”, có điểm trung bình chung tích lũy lớn hơn mức quy định của Trường và được Khoa chuyên ngành đồng ý cho làm khóa luận tốt nghiệp.

8. Ma trận mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra và các học phần (đính kèm theo chương trình đào tạo này)

9. Lộ trình học (đính kèm theo chương trình đào tạo này)

10. Các chương trình đào tạo (đã được kiểm định) được tham khảo (đính kèm nội dung chi tiết chương trình đào tạo đã tham khảo theo chương trình đào tạo này)

TT	Tên chương trình – Trường (Tiếng Việt hoặc Tiếng Anh)	Địa chỉ website tham chiếu (nếu có)
1	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội	www.khoadautu.neu.edu.vn
2	Đại học Quốc gia Hà Nội - Trường Đại học Kinh tế	http://ueb.edu.vn/Sub/13/newsdetail/hchuan/11145/chuong-trinh-dao-tao-chuan-trinh-do-dai-hoc-nganh-kinh-te.htm
3	Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh	http://www.ueh.edu.vn/news.aspx?id=542&tl=chuong-trinh-dao-tao-dai-hoc-chinh-quy
4	University of Queensland	https://www.uq.edu.au/study/program_list.html?acad_prog=2029
5	University of Edinburgh	http://www.ed.ac.uk/studying/undergraduate/degrees?action=subject&section=programmes&code=17&cw_xml=index.php

HỘI ĐỒNG
XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Đã ký tên và đóng dấu)
PGS.TS. Nguyễn Mạnh Toàn